

Bản tin thị trường

21.11.2022

Nhận định, tin doanh nghiệp, data talks

Tin Trọng Điểm

Nhận định thị trường

Cổ phiếu quan tâm

Danh mục đầu tư

Tin Doanh Nghiệp

DGC, TNG

Data Talks

Cổ phiếu tăng trưởng

Lịch chia cổ tức



Thị trường khả năng đã tạo đáy trung hạn

Sau cú rơi cực mạnh xuống dưới 900, thị trường đã liên tục đảo chiều hồi phục 3 phiên liên tiếp và vượt lên trở lại trên ngưỡng 970. Phiên cuối tuần thanh khoản trở lại trên 11 ngàn tỷ nhờ lực chốt lời cực lớn nhờ hàng giá rẻ từ đầu tuần. Các tín hiệu đảo chiều lần này khá chắc chắn và có thể nhận thấy dòng tiền đầu cơ đã chờ đợi khá lâu để có thể vào hàng khối lượng lớn từ trước đó vài phiên. Khối ngoại trước đó cũng tham gia mua ròng khối lượng lớn khá nhiều blue chip như HPG, STB, MSN, SSI, CTG ...

Các nhóm ngành ngân hàng, chứng khoán và đặc biệt là nhóm thép có độ nảy rất lớn. Các cổ phiếu HPG, HSG, NKG chỉ sau 2,3 phiên đã tăng gần 20% và khả năng áp lực chốt lời sẽ gia tăng trong tuần sau. Một số nhóm cổ phiếu ngành bất động sản, xây dựng có sự phân hóa rộng hơn và vẫn còn vài cổ phiếu bị áp lực giải chấp lớn như PDR, NVL. Tuy nhiên khả năng trong tuần sau áp lực bán ở nhóm này sẽ giảm và khả năng tạo đáy.

Thị trường trong tuần mới có thể rung lắc vài phiên và dòng tiền sẽ xoay vòng mạnh hơn cũng như thanh khoản sẽ cải thiện dần khi nhiều tài khoản bị kẹp hàng trước đó sẽ dễ thở hơn. Thị trường sẽ không thể duy trì đà tăng mãi mà sẽ co giãn liên tục, thậm chí là mạnh trong các phiên tới vì vậy các nhịp hồi là cơ hội để nhà đầu tư cơ cấu lại danh mục và đưa tài khoản về mức an toàn. Các vị thế mua mới nên chờ ở các nhịp điều chỉnh.



Phân tích kỹ thuật



Chỉ số Vnindex đã có bước nảy tốt vượt qua ngưỡng 950 và đang gần vùng kháng cự tâm lý 1000. Khả năng rung lắc lớn có thể đẩy chỉ số rung lắc quanh vùng 920-950 trong ngắn hạn. Tuy nhiên các chỉ báo kỹ thuật MACD và RSI cho thấy thị trường đang tạo phân kỳ dương và đang khẳng định xu thế đảo chiều của thị trường. Chỉ số Vnindex cần vượt qua đường MA20 để xác nhận một xu thế tăng ngắn hạn bên trên vùng 1000 điểm. Nhà đầu tư có thể chờ các nhịp điều chỉnh tích lũy cổ phiếu trở lại. Mức giải ngân duy trì ở mức 50% - 70% tài khoản. Các vị thế margin chỉ ưu tiên ở những cổ phiếu kỳ vọng đảo chiều mạnh và có thanh khoản cao.

Nhóm cổ phiếu ưu tiên giao dịch: STB, VIB, MBB, GVR, GEX, VCI, HCM, SSI, DGW, HPG, NKG. SZC.

Tin Doanh Nghiệp

Hóa chất Đức Giang ước tính lãi hơn 6.000 tỷ đồng năm 2022



Lãnh đạo DGC vừa qua ước tính doanh thu tập đoàn trên 14.000 tỷ đồng và lãi sau thuế trên 6.000 tỷ đồng năm 2022. Riêng lợi nhuận tháng 10 và 11 ước đạt 800 tỷ đồng. "Chắc chắn kế hoạch lãi 1.100 tỷ quý IV sẽ đạt được", ông Huyền khẳng định.

Năm 2022, DGC đặt kế hoạch doanh thu thuần 12.117 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 3.500 tỷ đồng. Với ước tính trên, DGC có thể sẽ vượt 16% chỉ tiêu doanh thu và vượt 71% mục tiêu lợi nhuận năm.

ngày 20/12 là ngày chốt danh sách cổ đông để nhận cổ tức năm 2022 với tỷ lệ 30% tiền mặt (3.000 đồng/cổ phiếu). Tương ứng ngày giao dịch không hưởng quyền là 19/12.

Với hơn 379,7 triệu cổ phiếu đang lưu hành, ước tính DGC sẽ chi khoảng 1.139 tỷ đồng để trả cổ tức đợt này. Thời gian thanh toán dự kiến là 10/1/2023.

Liên quan đến giao dịch cổ phiếu, nhóm quỹ thành viên do Dragon Capital quản lý vừa chi khoảng 60 tỷ đồng để mua tổng cộng 980.000 cổ phiếu DGC nhằm nâng tỷ lệ sở hữu từ 6,91% lên 7,17% vốn điều lệ.

Chủ tịch HĐQT Đào Hữu Huyền mới đây cũng đã đăng ký mua thêm 1 triệu cổ phiếu DGC nhằm tăng sở hữu từ 18,11% lên 18,38%.

Giao dịch dự kiến được thực hiện theo phương thức khớp lệnh từ ngày 17/11 đến 16/12.

Nếu mua thành công, ông Huyền sẽ sở hữu tổng cộng 69,79 triệu cổ phiếu DGC và có thể nhận về 209 tỷ đồng từ đợt chia cổ tức sắp tới.

Động thái đăng ký mua vào của Chủ tịch Đào Hữu Huyền và nhóm Dragon Capital diễn ra trong bối cảnh cổ phiếu DGC rơi từ vùng 100.000 đồng/cổ phiếu tháng 9 về 56.900 đồng/cổ phiếu chốt phiên 16/11, mất khoảng 43% giá trị.

TNG lãi 256 tỷ đồng trong 10 tháng đầu năm

CTCP Đầu tư và Thương mại TNG (Mã: TNG) vừa có báo cáo kết quả hoạt động, sản xuất kinh doanh tháng 10. Cụ thể, doanh thu tiêu thụ đạt 570 tỷ đồng, tăng 23% so với cùng kỳ năm trước.

Trong đó, doanh thu từ xuất khẩu chiếm 98% là 560 tỷ đồng, còn nội địa là 10 tỷ đồng. Mỹ và Pháp là 2 thị trường xuất khẩu lớn của TNG khi chiếm tỷ lệ lần lượt là 40,13%, 28,79%.

Về kế hoạch tháng 11, TNG dự kiến doanh thu đạt 500 tỷ đồng, nâng mức doanh thu lũy kế 11 tháng đầu năm lên con số 6.329 tỷ đồng, hoàn thành 105% kế hoạch năm.

Lũy kế 10 tháng đầu năm, TNG ghi nhận doanh thu tiêu thụ đạt 5.828 tỷ đồng, tăng 28%, lợi nhuận sau thuế đạt 256 tỷ đồng tăng 31% so với cùng kỳ năm trước.

Năm 2022, TNG đặt mục tiêu doanh thu là 6.000 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế là 280 tỷ đồng. Như vậy, sau ba quý, công ty hoàn thành 97% kế hoạch doanh thu, 91% kế hoạch lợi nhuận.

Về cơ cấu tài sản, cuối tháng 10, tổng tài sản của TNG đạt 4.810 tỷ đồng, tăng 10% so với đầu năm. Khoản tiền, tương đương tiền, tiền gửi có kỳ hạn khoảng 281 tỷ đồng.

Hàng tồn kho của công ty giảm 18% so với đầu năm xuống 951 tỷ đồng, chủ yếu là thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang.

Tại ngày 30/10, tổng nợ vay của TNG là khoảng 2.400 tỷ đồng. Vốn chủ sở hữu đạt 1.591 tỷ đồng bao gồm 214 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.





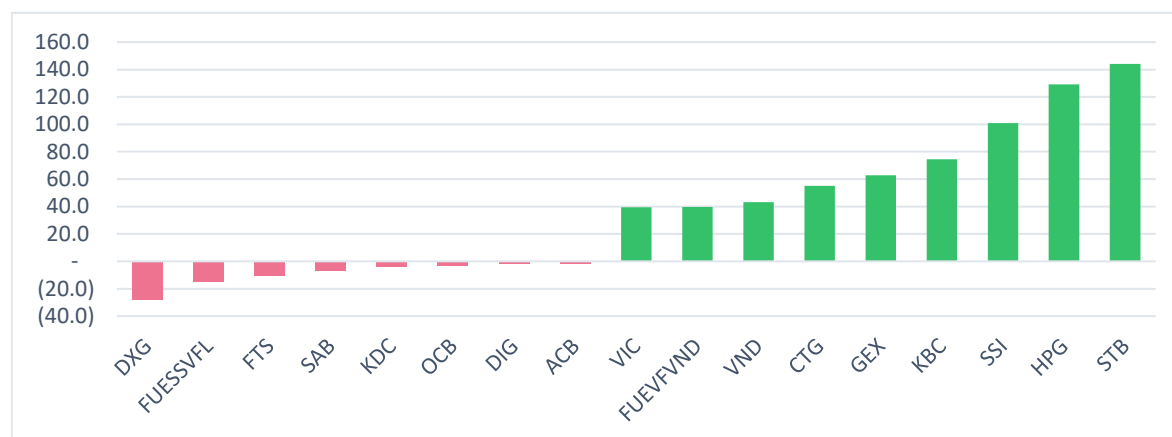
Tổng hợp kết quả kinh doanh 9T.2022

Mã CK	Sàn	Q3/2022	Lợi nhuận +/- Cùng kỳ(%)	Lũy kế 2022	EPS 4 quý	P/E Hiện tại
TCB	HOSE	5,297.97	22.1	16,603.1	6,036	3.5
VPB	HOSE	3,729.88	72.6	15,909.6	4,204	3.7
ACB	HOSE	3,586.99	70.6	10,817.7	4,562	4.3
TPB	HOSE	1,711.62	54.2	4,742.9	4,087	4.9
DGC	HOSE	1,413.95	195.6	4,533.5	24,938	2.9
SAB	HOSE	1,341.94	202.3	4,180.5	8,568	21.1
LPB	HOSE	986.89	61.3	3,842.4	3,456	2.7
PDR	HOSE	717.75	18.1	1,412.4	3,794	12.4
VHC	HOSE	450.21	76.2	1,782.1	12,264	5.3
SSI	HOSE	309.13	(54.7)	1,437.8	2,317	6.5
HSG	HOSE	265.00	(84.4)	1,137.4	4,211	2.8
DHG	HOSE	262.39	30.3	752.3	7,058	12.5
BAB	HNX	228.15	7.0	586.4	994	14.1
NT2	HOSE	198.98	(27.2)	724.1	2,936	8.8
HCM	HOSE	165.09	(48.2)	727.2	2,246	7.7
SCS	HOSE	160.85	32.9	501.3	11,778	6.0
PPC	HOSE	155.07	-	310.4	1,168	12.7
VOS	HOSE	154.12	(17.0)	469.8	3,939	2.8
SHP	HOSE	137.03	3.6	276.5	3,775	7.4
KHP	HOSE	133.79	(40.1)	-	257	32.3
VCI	HOSE	122.68	(62.7)	840.5	3,796	6.2
PHR	HOSE	121.59	(16.2)	467.1	5,195	7.8
MBS	HNX	121.19	(34.1)	441.8	2,290	5.3
ANV	HOSE	119.90	-	567.2	4,883	6.1
IJC	HOSE	119.50	44.5	484.4	2,538	4.8
TNG	HNX	106.17	24.6	231.4	3,221	4.8
CSV	HOSE	101.43	159.4	310.1	8,718	4.2
PGD	HOSE	100.93	19.1	258.9	3,667	7.4
TBC	HOSE	94.49	283.5	247.2	4,266	7.2
CHP	HOSE	94.29	82.6	317.5	3,683	6.6
VND	HOSE	93.48	(84.3)	1,309.8	2,688	4.6
DVP	HOSE	93.47	9.3	229.6	7,205	6.9
TCM	HOSE	91.97	-	219.8	3,278	12.9
SHS	HNX	88.25	(64.2)	-	1,763	3.9
VIX	HOSE	88.09	(40.3)	414.6	1,463	4.6
BTP	HOSE	86.56	374.7	-	2,876	5.1

NTP	HNX	83.83	7.9	410.3	4,400	8.0
EVF	HOSE	78.66	(12.0)	242.7	1,052	7.6
DRC	HOSE	77.09	128.6	226.8	2,645	8.7
FMC	HOSE	76.92	36.1	231.6	5,280	6.8
DPR	HOSE	76.04	10.7	180.5	11,396	4.7
VCF	HOSE	74.80	3.7	265.3	17,490	12.1
SJD	HOSE	73.92	-	145.1	2,772	5.8
HDC	HOSE	72.03	6.1	247.5	3,762	7.9
ORS	HOSE	70.57	137.7	-	986	8.7
PDN	HOSE	67.43	77.4	193.1	12,100	10.3
CDN	HNX	65.93	12.5	197.4	2,567	9.7
VNS	HOSE	59.85	-	128.5	594	32.1
VFG	HOSE	59.76	50.0	171.3	6,632	6.0
RAL	HOSE	59.13	40.2	276.9	27,066	2.8
HAX	HOSE	57.46	-	192.3	6,275	3.1
SLS	HNX	57.43	23.1	125.3	20,566	6.3
NCT	HOSE	56.42	(9.3)	170.1	8,618	10.2
IMP	HOSE	55.79	78.1	155.0	3,324	17.1
TDM	HOSE	54.41	110.1	146.5	2,831	11.2
SBA	HOSE	53.86	252.7	144.8	3,479	7.0
LIX	HOSE	52.99	162.9	166.7	7,084	6.1
TTA	HOSE	52.45	80.5	186.2	1,441	7.7
MIG	HOSE	50.75	55.9	135.6	1,423	9.5
STK	HOSE	50.13	(19.7)	195.8	3,974	7.6
DMC	HOSE	49.14	26.6	129.1	5,282	8.4
HVT	HNX	47.42	103.7	125.8	13,238	3.7
SMB	HOSE	44.94	124.4	154.0	7,202	5.7
TNH	HOSE	44.18	(26.4)	98.5	2,728	10.0
CLC	HOSE	41.07	10.3	96.7	5,188	6.7
SZL	HOSE	40.12	41.4	79.6	5,729	8.5
TIP	HOSE	39.91	503.4	56.8	2,358	7.4
BVS	HNX	38.09	16.1	102.3	2,761	5.3
PAC	HOSE	37.00	51.6	133.4	4,333	6.8
HT1	HOSE	36.39	-	197.1	656	14.8
PSD	HNX	32.18	(15.6)	97.3	4,999	3.8
FIR	HOSE	32.15	95.0	89.2	3,748	11.6
AGR	HOSE	30.26	32.6	102.0	857	8.4
CAP	HNX	28.55	256.7	66.2	15,736	5.4
S4A	HOSE	27.89	9.4	81.3	3,711	9.6
IDV	HNX	26.89	(44.0)	102.3	7,474	4.9
KPF	HOSE	26.36	293.8	56.2	1,336	7.0
TKU	HNX	25.26	95.6	77.0	2,416	5.0
KDC	HOSE	24.32	(78.7)	329.4	1,860	33.2
BCF	HNX	24.11	6,300.6	97.4	4,368	8.5
VDS	HOSE	24.04	(67.6)	-	(89)	(91.0)
SZC	HOSE	23.32	(65.0)	159.8	2,279	12.9
DHT	HNX	22.84	163.3	60.2	2,997	13.0
CSM	HOSE	22.77	-	49.9	816	18.4
SVI	HOSE	22.74	63.5	83.3	9,003	6.4
NST	HNX	21.41	225.7	-	933	7.3
PMC	HNX	20.37	570.8	60.4	9,045	6.9
SEB	HNX	20.17	831.7	126.0	5,691	7.9
VIT	HNX	20.10	118.2	-	868	22.8
CCL	HOSE	19.93	169.2	46.1	1,408	4.1



Top mua bán ròng khối ngoại trong ngày (tỷ VND)



Thống kê nhóm cổ phiếu ngân hàng:

Mã CK	Sàn	Giá đóng cửa	KLGD	P/E	P/B	KL NN Mua	KL NN Bán	EPS	Book Value
ACB	HOSE	20.3	5,995,200	4.4	1.2	-	78,000	4,560	16,502
BID	HOSE	34.8	2,040,300	10.2	1.7	126,300	20,400	3,397	19,951
CTG	HOSE	23.1	5,961,800	7.1	1.0	4,625,100	2,271,200	3,240	22,080
EIB	HOSE	21.0	400,100	9.4	1.3	45,600	-	2,223	16,368
HDB	HOSE	14.2	1,779,000	3.8	0.8	1,639,900	804,440	3,748	18,469
LPB	HOSE	9.8	6,317,800	2.8	0.6	5,420	-	3,454	15,554
MBB	HOSE	14.6	9,550,900	3.2	0.9	2,194,720	2,124,140	4,575	16,742
MSB	HOSE	10.9	3,089,500	3.6	0.6	7,400	730	3,042	16,888
OCB	HOSE	13.0	2,454,900	5.0	0.7	117,800	369,930	2,568	17,433
SHB	HOSE	9.4	14,782,600	2.9	0.6	776,010	17,900	3,264	15,859
SSB	HOSE	29.1	1,439,300	12.6	2.3	7,600	100	2,318	12,429
STB	HOSE	15.6	13,785,600	7.1	0.8	11,483,300	1,933,500	2,200	19,595
TCB	HOSE	21.1	4,810,300	3.5	0.7	-	10,000	6,036	31,246
TPB	HOSE	19.4	2,456,300	4.7	1.0	22,400	50,300	4,084	19,369
VCB	HOSE	74.2	904,300	12.5	2.7	1,546,200	1,096,750	5,936	27,129
VIB	HOSE	16.8	1,822,400	3.5	1.2	-	300	4,805	14,460
VPB	HOSE	14.8	12,627,600	3.5	0.6	100,000	118,800	4,196	22,873
BAB	HNX	12.9	7,700	13.0	1.1	-	-	994	11,730
NVB	HNX	14.0	45,500		1.4	3,800	2,320	(710)	10,027
VBB	UPCOM	7.0	18,400	5.4	0.5	-	-	1,295	12,860
VAB	UPCOM	6.2	136,700	3.5	0.5	6,000	1,000	1,766	12,999
SGB	UPCOM	11.8	36,500		0.9	-	-	489	12,713
PGB	UPCOM	15.1	12,000	12.7	1.0	-	-	1,185	14,969
NAB	UPCOM	7.3	267,000			-	-	3,026	18,823
KLB	UPCOM	16.1	5,500	11.2	1.2	-	-	1,443	13,926
BVB	UPCOM	7.3	619,400	9.6	0.5	-	-	758	13,457
ABB	UPCOM	6.4	2,119,300	3.1	0.5	-	-	2,081	13,358
			93,485,900	6.60	1.02	22,707,550	8,899,810	2,814	16,956



Lịch trả cổ tức:

STT	Mã CK	Sàn	Ngày GDKHQ ▼	Ngày ĐKCC	Ngày thực hiện	Nội dung sự kiện	Loại Sự kiện
1	SZG	UPCoM	29/11/2022	30/11/2022	28/12/2022	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
2	NTC	UPCoM	29/11/2022	30/11/2022	26/12/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
3	FOX	UPCoM	29/11/2022	30/11/2022	30/12/2022	Trả cổ tức đợt 1/2022 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
4	SJG	UPCoM	24/11/2022	25/11/2022	26/12/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 280 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
5	RTB	UPCoM	17/11/2022	18/11/2022	2/12/2022	Trả cổ tức đợt 2/2021 bằng tiền, 400 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
6	E29	UPCoM	16/11/2022	17/11/2022	24/11/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
7	DNW	UPCoM	14/11/2022	15/11/2022	15/12/2022	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 300 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
8	SFC	HOSE	14/11/2022	15/11/2022	5/12/2022	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 1,600 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
9	NVL	HOSE	11/11/2022	14/11/2022		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 100:24.75	Thưởng cổ phiếu
10	SZL	HOSE	10/11/2022	11/11/2022	30/11/2022	Trả cổ tức đợt 1/2022 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
11	TV4	HNX	9/11/2022	10/11/2022		Trả cổ tức năm 2021 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:12	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
12	HAN	UPCoM	4/11/2022	7/11/2022	30/11/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 430 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
13	RCC	UPCoM	3/11/2022	4/11/2022		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 1:1.0705	Thưởng cổ phiếu
14	RCC	UPCoM	3/11/2022	4/11/2022		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 1:0.6469, giá 10,000 đồng/CP	Phát hành thêm
15	BTD	UPCoM	3/11/2022	4/11/2022	24/11/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 3,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
16	PC1	HOSE	1/11/2022	2/11/2022		Trả cổ tức năm 2021 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:15	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
17	CAV	HOSE	31/10/2022	1/11/2022	16/11/2022	Trả cổ tức đợt 1/2022 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
18	ANV	HOSE	31/10/2022	1/11/2022	1/12/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
19	VEA	UPCoM	28/10/2022	31/10/2022	30/11/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 4,493.7 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
20	PNJ	HOSE	28/10/2022	31/10/2022	22/11/2022	Trả cổ tức đợt 3/2021 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
21	PCT	HNX	27/10/2022	28/10/2022		Trả cổ tức năm 2022 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:20	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
22	TLP	UPCoM	27/10/2022	28/10/2022	14/11/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 339 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
23	SAM	HOSE	27/10/2022	28/10/2022		Trả cổ tức năm 2021 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:4	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
24	HTN	HOSE	27/10/2022	28/10/2022	25/11/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
25	BMP	HOSE	26/10/2022	27/10/2022	1/12/2022	Trả cổ tức đợt 1/2022 bằng tiền, 3,100 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
26	AVC	UPCoM	26/10/2022	27/10/2022	7/11/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 3,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
27	TMX	HNX	26/10/2022	27/10/2022	15/11/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 600 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
28	IDP	UPCoM	25/10/2022	26/10/2022	4/11/2022	Trả cổ tức đợt 1/2022 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt



BP Phân tích

Head: Nguyễn Hồng Khanh
khanhnh@vise.com.vn

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi VIS để phân phối tại Việt Nam và quốc tế. Các ý kiến và dự báo chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Chúng tôi chỉ sử dụng những thông tin và quan điểm được cho là đáng tin cậy nhất, tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm tuyệt đối tính chính xác và đầy đủ của những thông tin trên. Những quan điểm cá nhân trong báo cáo này đã được cân nhắc cẩn thận dựa trên những nguồn thông tin chúng tôi cho là tốt nhất và hợp lý nhất trong thời điểm viết báo cáo. Tuy nhiên những quan điểm trên có thể thay đổi bất cứ lúc nào, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm phải thông báo cho nhà đầu tư.

Công ty VIS cũng như các công ty con và toàn thể cán bộ công nhân viên hoàn toàn có thể tham gia đầu tư hoặc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đối với cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào. Nhà đầu tư cân nhắc kỹ lưỡng việc sử dụng thông tin cũng như các dự báo tài chính trong tài liệu trên, và VIS không chịu trách nhiệm với bất kỳ khoản lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp nào do sử dụng những thông tin đó.

Tài liệu này chỉ nhằm mục đích lưu hành trong phạm vi hẹp vì vậy không được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của VIS.

VISecurities
CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Tầm nhìn mới, Giá trị mới

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (Hội Sở)

Tầng 3, 59 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Tel: (84 24) 710 888 48, Fax: (84 24) 3944 5889

<https://www.vise.com.vn>

Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Tầng 2, tòa nhà Savimex, Số 194 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: (84 28) 7108 8848

Fax: (84 28) 3915 2931